TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Viễn

Ông Châu Văn Bình

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 455/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: số 473, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Đoàn Vũ L**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 473, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/7/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh L cưới nhau vào năm 2013 ,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/6/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp, anh L không chăm lo vợ con. Chị T và anh L đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Trước đây chị T có khởi kiện yêu cầu ly hôn anh L, nhưng sau đó chị rút yêu cầu khởi kiện để gia đình đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nên đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không còn quan tâm, chăm

sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đoàn Hữu N, sinh ngày 06/7/2014 hiện đang sống chung với chị T và anh L. Chị T tự nguyện giao cháu N cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn anh Đoàn Vũ L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T thường xảy ra mâu Tẫn, bất đồng ý kiến, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng để dẫn đến ly hôn, nên anh L không đồng ý ly hôn vơi chị T.

Về con chung: Có một con chung hiện đang sống với anh L.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T ly hôn với anh L. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Hữu N, sinh ngày 06/7/2014 cho anh Đoàn Vũ L chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, nếu anh L có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Ly hôn"* được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo;

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Vũ L theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T có đơn xin xét

xử vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị chị T, anh L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị T và anh L cưới nhau vào năm 2013 ,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/6/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp, anh L không chăm lo vợ con. Chị T và anh L đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Trước đây chị T có khởi kiện yêu cầu ly hôn anh L, nhưng sau đó chị rút yêu cầu để gia đình đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nên đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Anh L thừa nhận quá trình chung sống giữa anh và chị T thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng để dẫn đến ly hôn, nên anh L không đồng ý ly hôn vơi chị T. Tuy nhiên, anh L không có phương thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, cho thấy anh L không có thành ý hàn gắn tình cảm giữa anh và chị T.

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh L không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L thống nhất trong thời gian sống chung, anh chị có một con chung là cháu Đoàn Hữu N, sinh ngày 06/7/2014. Xét việc chị T giao con chung cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở vì cháu N đang sống với anh L đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 18/11/2022 cháu N có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn, nên cần tôn trọng ý kiến của cháu N.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như anh L không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị T;

Do đó, Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con và phía anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu anh L có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 60 Luật trẻ em;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được quyền ly hôn anh Đoàn Vũ L.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Hữu N, sinh ngày 06/7/2014 cho anh Đoàn Vũ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025160 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lĩnh